

## Dự thảo

**LUẬT  
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT ĐẦU TƯ  
VÀ LUẬT DOANH NGHIỆP**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13).*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư****1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3:****a) Sửa đổi khoản 5 như sau:**

“5. Đầu tư kinh doanh là việc bỏ vốn bằng tiền và các tài sản khác để kinh doanh.”

**b) Bổ sung khoản 5a và 5b, khoản 9a, khoản 15a và khoản 17a như sau:**

“5a. Điều kiện đầu tư kinh doanh là điều kiện cá nhân, tổ chức phải đáp ứng để kinh doanh trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.”

“5b. Điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài là điều kiện nhà đầu tư nước ngoài phải đáp ứng để đầu tư trong ngành, nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại các luật, pháp lệnh, nghị định, điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.”

“9a. Kinh doanh là việc thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả các công đoạn của quá trình từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ nhằm mục đích sinh lợi.”

“15a. Chấp thuận chủ trương đầu tư là văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận đề xuất của nhà đầu tư về mục tiêu, địa điểm, quy mô, tiến độ và các điều kiện khác nhằm bảo đảm việc thực hiện dự án đầu tư phù

hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội trong từng thời kỳ và làm cơ sở để nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.”

“17a. Tổ chức kinh tế có sở hữu chi phối của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức kinh tế thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Nhà đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của tổ chức kinh tế đó;

b) Nhà đầu tư nước ngoài trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của tổ chức kinh tế đó;

c) Nhà đầu tư nước ngoài có quyền quyết định sửa đổi, bổ sung điều lệ của tổ chức kinh tế đó.”

2. Bổ sung khoản 4a vào Điều 7 như sau:

“4a. Quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh phải có các nội dung sau:

a) Tên điều kiện đầu tư kinh doanh;

b) Đối tượng và phạm vi áp dụng;

c) Hình thức áp dụng của điều kiện đầu tư kinh doanh;

d) Nội dung yêu cầu, điều kiện đầu tư kinh doanh; đ) Hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện thủ tục hành chính để thực hiện điều kiện đầu tư kinh doanh;

e) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính và quản lý điều kiện đầu tư kinh doanh;

g) Thời hạn có hiệu lực của điều kiện đầu tư kinh doanh.”

3. Sửa đổi khoản 1 và khoản 2 Điều 13 như sau:

“1. Trường hợp văn bản pháp luật mới được ban hành quy định quyền lợi và ưu đãi đầu tư cao hơn so với quy định trước đó thì nhà đầu tư được hưởng quyền lợi và ưu đãi đầu tư theo quy định của văn bản pháp luật mới cho thời gian hưởng quyền lợi và ưu đãi đầu tư còn lại kể từ ngày văn bản pháp luật mới có hiệu lực.

2. Trường hợp văn bản pháp luật mới được ban hành quy định điều kiện và ưu đãi đầu tư làm ảnh hưởng bất lợi đến điều kiện và ưu đãi đầu tư mà nhà đầu tư được hưởng trước đó thì nhà đầu tư được tiếp tục áp dụng điều kiện và ưu đãi đầu tư theo quy định trước đó cho thời gian áp dụng điều kiện và hưởng ưu đãi đầu tư còn lại.”

4. Sửa đổi khoản 4 Điều 16 như sau:

“4. Ưu đãi đầu tư đối với các đối tượng quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều này không áp dụng đối với:

a) Dự án khai thác khoáng sản;

b) Dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại;

c) Dự án sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ sản xuất ô tô.”

5. Sửa đổi điểm i khoản 1 Điều 16 như sau:

“i) Giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học;”

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 23:

a) Sửa đổi khoản 1 và khoản 2 như sau:

1. Tổ chức kinh tế có sở hữu chi phối của nhà đầu tư nước ngoài phải đáp ứng điều kiện và thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định đối với nhà đầu tư nước ngoài khi đầu tư thành lập tổ chức kinh tế; góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế khác; đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC.

2. Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không thuộc trường hợp quy định tại khoản 17a Điều 3 Luật này được áp dụng điều kiện và thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định đối với nhà đầu tư trong nước.

b) Bổ sung khoản 3a vào Điều 23 như sau:

“3a. Điều kiện và thủ tục góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của công ty đại chúng, tổ chức kinh doanh chứng khoán, quỹ đầu tư trên thị trường chứng khoán thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.”

7. Sửa đổi khoản 2 Điều 24 như sau:

“2. Nhà đầu tư đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế thực hiện theo quy định tại Điều 25 và Điều 26 của Luật này.”

8. Sửa đổi các Khoản 1 và 2 Điều 25 như sau:

“1. Nhà đầu tư được góp vốn vào tổ chức kinh tế theo các hình thức sau đây:

a) Mua cổ phần phát hành lần đầu hoặc cổ phần phát hành thêm của công ty cổ phần;

b) Góp vốn vào công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh;

c) Góp vốn vào tổ chức kinh tế khác không thuộc trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này.

2. Nhà đầu tư mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế theo các hình thức sau đây:

a) Mua cổ phần của công ty cổ phần từ công ty hoặc cổ đông;

b) Mua phần vốn góp của các thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn để trở thành thành viên của công ty trách nhiệm hữu hạn;

c) Mua phần vốn góp của thành viên góp vốn trong công ty hợp danh để trở thành thành viên góp vốn của công ty hợp danh;

d) Mua phần vốn góp của thành viên tổ chức kinh tế khác không thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản này.”

9. Sửa đổi Điều 26 như sau:

“Điều 26. Thủ tục đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp

1. Nhà đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế thực hiện các điều kiện và thủ tục về thay đổi thành viên, cổ đông theo quy định của pháp luật tương ứng với từng loại hình tổ chức kinh tế. Việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế không thực hiện theo quy định về chuyển nhượng dự án đầu tư.

2. Ngoài quy định tại khoản 1 Điều này, việc sử dụng vốn nhà nước, vốn của doanh nghiệp nhà nước để góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp, chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, pháp luật về quản lý và sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan.

3. Ngoài quy định tại khoản 1 Điều này, nhà đầu tư nước ngoài thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài vào tổ chức kinh tế dẫn đến tổ chức kinh tế đó phải thực hiện các điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Luật này;

b) Nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp trong tổ chức kinh tế sử dụng đất tại đảo và xã, phường, thị trấn biên giới, ven biển hoặc khu vực khác có ảnh hưởng đến an ninh, quốc phòng.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”

10. Bổ sung Điều 26b như sau:

“Điều 26b. Thực hiện dự án đầu tư

1. Việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất thực hiện theo một trong các hình thức sau:

a) Đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai nếu đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về đấu giá tài sản và pháp luật có liên quan;

b) Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp có từ 02 nhà đầu tư quan tâm thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất tại một địa điểm và các trường hợp khác mà pháp luật yêu cầu phải tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư;

c) Chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định tại Luật này.

2. Việc lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại các Điểm a và b Khoản 1 Điều này không áp dụng đối với các trường hợp sau:

a) Nhà đầu tư có quyền sử dụng đất hợp pháp tại địa điểm đầu tư;

b) Nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm đầu tư thông qua hình thức thuê địa điểm, góp vốn, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hoặc các giao dịch hợp pháp khác theo quy định của pháp luật;

c) Dự án đầu tư tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn;

d) Theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và triển khai dự án đầu tư được quy định tại các Điều 33, 34, 35 và 37 Luật này.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”

11. Sửa đổi Điều 31 như sau:

“Điều 31. Thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ

Trừ những dự án quy định tại Điều 30 của Luật này, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án sau đây:

1. Dự án không phân biệt nguồn vốn thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Di dân tái định cư từ 10.000 người trở lên ở miền núi, từ 20.000 người trở lên ở vùng khác;

- b) Đầu tư xây dựng sân bay mới; kinh doanh vận chuyển hành khách bằng đường hàng không;
- c) Xây dựng và kinh doanh cảng biển loại đặc biệt và cảng biển loại I;
- d) Chế biến dầu thô;
- đ) Kinh doanh đặt cược, casino, trừ kinh doanh trò chơi có thưởng dành cho nhà đầu tư nước ngoài;
- g) Đầu tư phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu chức năng trong khu kinh tế;
- h) Xây dựng và kinh doanh sân gôn;
- i) Dự án có quy mô sử dụng đất từ 100 ha trở lên;
- k) Dự án xây dựng nhà ở có số lượng nhà ở từ 2.500 căn trở lên (bao gồm nhà biệt thự, nhà ở riêng lẻ, căn hộ chung cư) tại khu vực không phải là đô thị;
- l) Dự án xây dựng nhà ở có quy mô sử dụng đất từ 50 ha trở lên hoặc có quy mô dưới 50 ha nhưng có số lượng nhà ở từ 2.500 căn trở lên tại khu vực đô thị.

2. Dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư thực hiện tại địa bàn từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên.

3. Dự án của nhà đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực trồng rừng, xuất bản.

4. Dự án khác thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp luật.

5. Tùy thuộc mục tiêu, tính chất, quy mô của dự án và điều kiện kinh tế, xã hội trong từng thời kỳ, Thủ tướng Chính phủ phân cấp cho Bộ, ngành, địa phương chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án quy định tại Điều này.”

12. Sửa đổi Điều 32 như sau:

“Điều 32. Thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Trừ những dự án quy định tại Điều 30 và Điều 31 của Luật này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án sau đây:

a) Dự án mà nhà đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất không thông qua một trong các hình thức quy định tại điểm a, b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 26 b Luật này;

b) Dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất thuộc trường hợp phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận theo quy định của pháp luật về đất đai;

c) Dự án nhà ở thuộc một trong các trường hợp: Dự án có quy mô sử dụng đất từ 20 ha đến dưới 100 ha và có số lượng nhà ở dưới 2.500 căn tại khu vực không phải là đô thị; Dự án có quy mô sử dụng đất từ 10 ha đến dưới 50 ha và có số lượng nhà ở dưới 2.500 căn tại khu vực đô thị; Dự án không phân biệt quy mô diện tích đất, số lượng nhà ở nhưng thuộc khu vực hạn chế phát triển hoặc nội đô lịch sử (được xác định trong các đồ án quy hoạch) của đô thị loại đặc biệt.

d) Dự án của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện tại đảo và xã, phường, thị trấn biên giới, ven biển và khu vực khác có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh.

3. Tùy thuộc điều kiện kinh tế, xã hội từng địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này do hộ gia đình, cá nhân trong nước thực hiện ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế.”

13. Sửa đổi khoản 8 Điều 33 như sau:

“8. Chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gồm các nội dung theo quy định tại khoản 15a Điều 3 Luật này”

14. Sửa đổi Điều 34 như sau:

“Điều 34. Hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ

1. Nhà đầu tư nộp hồ sơ dự án đầu tư cho **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**, gồm những nội dung sau:

a) Hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật này;

b) Phương án giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư (nếu có).

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều này (sau đây gọi là hồ sơ dự án đầu tư), Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến các cơ quan nhà nước có liên quan đến nội dung quy định tại Khoản 6 Điều 33 của Luật này.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

4. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận chủ trương đầu tư.

7. Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư gồm các nội dung quy định tại khoản 15a Điều 3 của Luật này.

8. Chính phủ quy định chi tiết hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư quy định tại Điều này.”

15. Sửa đổi khoản 1 và 2 Điều 35 như sau:

“1. Nhà đầu tư nộp hồ sơ dự án đầu tư cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, gồm những nội dung sau:

- a) Hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật này;
- b) Phương án giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư (nếu có);
- c) Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án;
- d) Đề xuất cơ chế, chính sách đặc thù (nếu có).

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định nhà nước.”

16. Sửa đổi Điều 40 như sau:

“Điều 40. Điều chỉnh dự án đầu tư

1. Nhà đầu tư được điều chỉnh dự án đầu tư trong quá trình thực hiện dự án đầu tư.

2. Đối với dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, nhà đầu tư thực hiện thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, chủ trương đầu tư khi điều chỉnh dự án đầu tư.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”

17. Sửa đổi khoản 1 và khoản 4 Điều 42 như sau:

“1. Nhà đầu tư phải ký quỹ hoặc bảo lãnh nghĩa vụ ký quỹ để bảo đảm thực hiện dự án được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại Điều này.”

18. Bổ sung khoản 4 Điều 43 như sau:

“4. Chính phủ quy định chi tiết thời hạn của dự án đầu tư.”

19. Sửa đổi, bổ sung Điều 48 như sau:

a) Sửa đổi điểm d, g, bổ sung điểm g1, g2 khoản 1 như sau:

“d) Dự án đầu tư thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 47 của Luật này mà nhà đầu tư không có khả năng khắc phục điều kiện đình chỉ hoạt động, trừ trường hợp bất khả kháng;”



“g) Sau 12 tháng mà nhà đầu tư không thực hiện đầu tư;

g1) Nhà đầu tư không ký quỹ đối với dự án đầu tư thuộc diện ký quỹ;

g2) Dự án chậm tiến độ, không thuộc trường hợp được giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 của Luật này và nhà đầu tư không có khả năng thực hiện dự án theo tiến độ đăng ký quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư;”

b) Sửa đổi khoản 4 như sau:

“4. Việc thanh lý quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

c) Bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Chính phủ quy định chi tiết điều này.”

20. Sửa đổi Điều 52 như sau:

a) Sửa đổi điểm đ như sau:

“đ) Các hình thức đầu tư ra nước ngoài khác theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật nước tiếp nhận đầu tư.”

b) Sửa đổi khoản 2 như sau:

“Chính phủ quy định chi tiết việc thực hiện hình thức đầu tư quy định tại Điều này.”

21. Sửa đổi khoản 4 Điều 59 như sau:

“4. Chính phủ quy định chi tiết thủ tục đăng ký dự án đầu tư ra nước ngoài; cấp, điều chỉnh, chấm dứt hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài.”

22. Sửa đổi khoản 1 Điều 66 như sau:

“1. Nhà đầu tư sử dụng lợi nhuận thu được từ hoạt động đầu tư ở nước ngoài để góp vốn, mở rộng, tăng vốn đầu tư ở nước ngoài thực hiện thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài và báo cáo Ngân hàng nhà nước Việt Nam.”

23. Sửa đổi điểm a, b khoản 2 Điều 71 như sau:

“a) Hằng quý, hằng năm, nhà đầu tư, tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư báo cáo cơ quan đăng ký đầu tư và cơ quan thống kê trên địa bàn về tình hình thực hiện dự án đầu tư, gồm các nội dung: vốn đầu tư thực hiện, kết quả hoạt động đầu tư kinh doanh, thông tin về lao động, nộp ngân sách nhà nước, đầu tư cho nghiên cứu và phát triển, xử lý và bảo vệ môi trường và các chỉ tiêu chuyên ngành theo lĩnh vực hoạt động;

b)-Hàng quý, hàng năm, cơ quan đăng ký đầu tư báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về tình hình tiếp nhận, cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và tình hình hoạt động của các dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý;”

24. Sửa đổi Điều 72 như sau:

a) Sửa đổi điểm a khoản 1 như sau:

“a. Bộ, cơ quan ngang bộ thực hiện quản lý chuyên môn về đầu tư ra nước ngoài; cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước;”

b) Sửa đổi tiêu đề khoản 2 như sau:

“2. Chế độ báo cáo của các bộ, cơ quan ngang bộ thực hiện quản lý chuyên môn về đầu tư ra nước ngoài; cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước: ”

c) Sửa đổi điểm b khoản 3 như sau:

“b) Định kỳ hàng năm, nhà đầu tư gửi báo cáo tình hình hoạt động của dự án đầu tư cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam tại nước tiếp nhận đầu tư.”

25. Thay thế cụm từ “quyết định chủ trương đầu tư” bằng cụm từ “chấp thuận chủ trương đầu tư” tại khoản 2 Điều 10, Điều 12, điểm c khoản 2 Điều 15, tiêu đề Mục 2 Chương IV, Điều 30, Điều 31, 32, 33, 34, 35, 37, 46, tiêu đề mục 2 Chương V, Điều 54, 55, 56, 59, 61, 67, điểm đ khoản 4 Điều 68, điểm c khoản 3 Điều 69 và khoản 2 Điều 74.

26. Bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung một số ngành, nghề trong Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 Luật Đầu tư (được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện) theo Phụ lục ban hành kèm theo Luật này.

## **Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp**

1. Sửa đổi Điều 3 như sau:

“Điều 3. Áp dụng Luật doanh nghiệp và các luật chuyên ngành

1. Trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp thực hiện theo quy định của Luật này.

2. Trường hợp luật chuyên ngành có quy định đặc thù về việc thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp thì áp dụng quy định của Luật đó, trừ trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp.”

2. Sửa đổi khoản 8 Điều 4 như sau:

“8. Doanh nghiệp nhà nước là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc cổ phần, vốn góp chi phối; được tổ chức và hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn.”

3. Sửa đổi khoản 2 Điều 13 như sau:

“2. Công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần có thể có một hoặc nhiều người đại diện theo pháp luật. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, và quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Trường hợp công ty có nhiều hơn một người đại diện theo pháp luật và Điều lệ công ty không quy định về quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật thì những người đại diện theo pháp luật của công ty có quyền và nghĩa vụ như nhau.”

4. Sửa đổi khoản 3 Điều 36 như sau:

“3. Việc thanh toán hoạt động mua, bán, chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp và nhận cổ tức của nhà đầu tư nước ngoài được thực hiện thông qua tài khoản theo quy định của pháp luật về ngoại hối, trừ trường hợp thanh toán bằng tài sản.”

5. Bổ sung khoản 4 Điều 78 như sau:

“4. Công ty phải có ít nhất một người đại diện theo pháp luật là người giữ một trong các chức danh sau:

- a) Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc chủ tịch công ty;
- b) Tổng giám đốc hoặc giám đốc.”

6. Sửa đổi tên Chương IV và Điều 88 như sau:

#### **“CHƯƠNG IV. DOANH NGHIỆP DO NHÀ NƯỚC NẮM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ**

Điều 88. Áp dụng quy định đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ

1. Doanh nghiệp được tổ chức quản lý theo quy định tại Chương này, các quy định tương ứng tại mục 2 Chương III và các quy định khác có liên quan của Luật này. Trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của Chương IV với Chương III và các quy định có liên quan khác của Luật này, thì áp dụng quy định tại Chương này.

2. Việc tổ chức quản lý doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ dưới 100% vốn điều lệ thực hiện theo các quy định tương ứng tại mục 1 Chương III và Chương V của Luật này.”

7. Sửa đổi Điều 89 như sau:

“Điều 89. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định tổ chức quản lý doanh nghiệp theo một trong hai mô hình quy định tại khoản 1 Điều 78 của Luật này.”

8. Sửa đổi khoản 2 Điều 90 như sau:

“2. Hội đồng thành viên bao gồm Chủ tịch và các thành viên khác, số lượng không quá 07 người. Thành viên Hội đồng thành viên do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức hoặc khen thưởng, kỷ luật. Thành viên Hội đồng thành viên không được giữ chức danh khác trong công ty, trừ chức danh Giám đốc, Tổng giám đốc công ty.”

9. Sửa đổi khoản 1 Điều 105 như sau:

“1. Trưởng Ban kiểm soát không được giữ chức danh khác tại công ty.”

10. Sửa đổi khoản 2 Điều 114 như sau:

“2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty có các quyền sau đây:”

11. Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 134 như sau:

“b. Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Trường hợp này ít nhất 20% số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập và có Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban kiểm toán quy định tại Điều lệ công ty hoặc quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán.”

12. Sửa đổi khoản 2 Điều 140 như sau:

“2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của Luật dân sự và phải nêu rõ số lượng cổ phần được ủy quyền.”

13. Sửa đổi khoản 4 Điều 149 như sau:

“4. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên

phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện nghị quyết nói trên.”

14. Sửa đổi khoản 1 Điều 161 như sau:

“1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trong các trường hợp sau đây:”

15. Sửa đổi khoản 2 Điều 163 như sau:

“2. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên và không được đảm nhiệm chức danh khác tại công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.”

16. Bổ sung điểm d khoản 1 Điều 192 như sau:

“d. Trường hợp khác theo quyết định của công ty”.

17. Bổ sung điểm d khoản 2 Điều 193 như sau:

“d. Trường hợp khác theo quyết định của công ty”.

18. Sửa đổi khoản 3 Điều 194 như sau:

“3. Các công ty bị hợp nhất chịu trách nhiệm thực hiện các quy định của Luật cạnh tranh liên quan đến hợp nhất công ty”.

19. Sửa đổi khoản 3 Điều 195 như sau:

“3. Các công ty chịu trách nhiệm thực hiện các quy định của Luật cạnh tranh liên quan đến hợp nhất công ty”.

23. Bãi bỏ Khoản 16 Điều 4, Điều 12, khoản 1 Điều 34, khoản 2 và khoản 5 Điều 44, khoản 4 Điều 46, khoản 2 Điều 65, điểm c khoản 3 Điều 139.

### **Điều 3**

1. Luật này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

2. Cá nhân được sử dụng số định danh cá nhân thay thế cho bản sao thẻ căn cước công dân, chứng minh nhân dân, hộ chiếu và các giấy tờ chứng thực cá nhân khác khi thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp.

3. Sửa đổi, bổ sung một số điều tại các luật như sau:

a) Sửa đổi khoản 7 Điều 8 Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam như sau:

“7. ĐT - Cấp cho nhà đầu tư nước ngoài có vốn đầu tư lớn hoặc đã đầu tư ở Việt Nam từ 3 năm trở lên và luật sư nước ngoài hành nghề tại Việt Nam.”;

b) Sửa đổi Điều 65 Luật Kinh doanh bảo hiểm như sau:

“Điều 65. Thời hạn cấp giấy phép.

Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ xin cấp giấy phép thành lập và hoạt động, Bộ Tài chính phải cấp hoặc từ chối cấp giấy phép.

Trong trường hợp từ chối cấp giấy phép, Bộ Tài chính phải có văn bản giải thích lý do.

~~Giấy phép thành lập và hoạt động đồng thời là giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.”~~

c) Sửa đổi khoản 2 Điều 30 Luật Điện ảnh như sau:

“2. Doanh nghiệp nhập khẩu phim phải có rạp chiếu phim hoặc có hợp đồng với đơn vị sở hữu rạp chiếu phim để tham gia phổ biến phim.”

d) Sửa đổi khoản 3 Điều 110 Luật hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014 như sau:

“3. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không sau khi được Thủ tướng Chính phủ cho phép.”

d) Sửa đổi khoản 1 Điều 172 Bộ luật Lao động như sau:

“1. Là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.”

4. Bãi bỏ một số điều, khoản của các Luật sau đây:

a) Khoản 2 Điều 16 Luật Đấu thầu;

b) Điểm a và Điểm đ Khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường;

c) Điều 14, Điều 15 và Khoản 3 Điều 30 Luật Điện ảnh số 62/2006/QH11

d) Điều 10 Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12.

*Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày ..... tháng ..... năm 2019.*

**CHỦ TỊCH QUỐC HỘI**

**Nguyễn Thị Kim Ngân**

## PHỤ LỤC

### DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ ĐẦU TƯ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN SỬA ĐỔI, BÃI BỎ, BỔ SUNG

#### I. DANH MỤC CÁC NGÀNH, NGHỀ ĐẦU TƯ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN BÃI BỎ

STT	Ngành, nghề đề xuất bãi bỏ	Mục	Lý do, căn cứ
1.	Kinh doanh dịch vụ xoa bóp	8	Bãi bỏ vì ngành này đã được quản lý bằng điều kiện an ninh, trật tự theo Nghị định 96/2016/NĐ-CP.
2.	Hoạt động dịch vụ của tổ chức trọng tài thương mại	17	<p>Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định và áp dụng cho các hoạt động đầu tư kinh doanh nhằm mục đích sinh lợi theo quy định tại khoản 16 Điều 2 Luật Doanh nghiệp, khoản 5 Điều 3 Luật Đầu tư.</p> <p>Trong khi đó, hoạt động dịch vụ của tổ chức trọng tài thương mại (Mục 17) không phản ánh bản chất của một ngành, nghề kinh doanh, bởi “Trung tâm trọng tài hoạt động không vì mục đích lợi nhuận” (khoản 2 Điều 27 Luật Trọng tài thương mại). Hơn nữa, đây là cơ quan tài phán, được thành lập với mục đích xét xử.</p>
3.	Kinh doanh dịch vụ mua bán nợ	36	Về bản chất, mua bán nợ là giao dịch trong đó một khoản nợ (cùng với các quyền và nghĩa vụ gắn với khoản nợ đó) được chuyển từ chủ thể này sang chủ thể khác. “Nợ” – đối tượng của giao dịch này - bao gồm có thể là bất kỳ khoản nợ nào hình thành trong các giao dịch dân sự, thương mại bình thường (các khoản nợ có tính nhạy cảm, của một nhóm đối tượng đặc thù đã thuộc phạm vi điều chỉnh của các văn bản khác). Chủ thể của giao dịch mua bán nợ có thể là bất kỳ chủ thể kinh doanh nào (trừ các chủ thể chuyên nghiệp



			<p>như các tổ chức tín dụng, các công ty chứng khoán...đã được kiểm soát bằng các văn bản pháp luật khác).</p> <p>Dịch vụ mua bán nợ chỉ là dịch vụ hỗ trợ, thúc đẩy các giao dịch mua bán nợ nói trên. Kết quả của giao dịch mua bán nợ không làm thay đổi nghĩa vụ trả nợ hay khoản nợ, mà chỉ thay đổi chủ thể thực hiện nghĩa vụ đó.</p> <p>Như vậy, việc thực hiện giao dịch mua bán nợ cũng như kinh doanh dịch vụ mua bán nợ chỉ liên quan tới các chủ thể tham gia; không phù hợp với mục đích quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật Đầu tư 2014.</p> <p>Hơn nữa, theo quy định của pháp luật dân sự, “nợ” được xem là một loại hàng hóa, được giao dịch trên thị trường (những khoản nợ “đặc thù”, “nhiều nguy cơ” – ví dụ các khoản nợ xấu của các ngân hàng, các tổng công ty nhất định ... - đã được điều chỉnh bởi các văn bản riêng). Hệ thống pháp luật về dân sự, thương mại liên quan tới hoạt động mua bán hiện tại đã đủ cơ sở pháp lý để điều chỉnh giao dịch mua bán nợ cũng như các giao dịch hỗ trợ mua bán nợ.</p>
4.	Kinh doanh dịch vụ xếp hạng tín nhiệm	37	<p>Bãi bỏ vì không phù hợp với mục đích quy định về ngành đầu tư kinh doanh có điều kiện theo Khoản 1 Điều 7 Luật Đầu tư. Ngoài ra, kết quả xếp hạng, tín nhiệm của các tổ chức, cá nhân chỉ mang tính tham khảo, do thị trường, khách hàng lựa chọn, sàng lọc và quyết định.</p>
5.	Sản xuất, sửa chữa chai chứa khí dầu mỏ hóa lỏng (chai LPG)	43	<p>Chai chứa khí dầu mỏ hóa lỏng (chai LPG) là sản phẩm chứa đựng nguy cơ gây mất an toàn cho người sử dụng, tác động đến môi trường, cần được kiểm soát. Trên thực tế, chai LPG đã được quản lý theo quy chuẩn kỹ thuật. Bất kì chủ thể sản xuất, nhập khẩu, sửa</p>

			<p>chữa, kiểm định đều phải tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật này.</p> <p>Chai chứa LPG muốn lưu thông trên thị trường thì đều phải được kiểm định, bảo đảm phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật mà không phụ thuộc vào sản phẩm do ai làm ra, bằng dây chuyền, thiết bị, công nghệ nào.</p> <p>Do đó, không cần thiết phải quản lý chủ thể sản xuất, sửa chữa chai LPG bằng điều kiện đầu tư kinh doanh.</p>
6.	Kinh doanh dịch vụ giám định thương mại	44	<p>Bãi bỏ vì kết quả giám định mang tính tham khảo giữa các bên và chất lượng dịch vụ nên do khách hàng và thị trường quyết định.</p>
7.	Xuất khẩu gạo	55	<p>Gạo là hàng hóa liên quan đến an ninh lương thực quốc gia và việc dự trữ gạo để bảo đảm an ninh lương thực đã được quy định tại Luật dự trữ quốc gia.</p> <p>Ngoài nội dung về dự trữ gạo nêu trên, ngành, nghề xuất khẩu gạo không phù hợp với mục đích quy định về ngành đầu tư kinh doanh có điều kiện theo Khoản 1 Điều 7 Luật Đầu tư.</p> <p>Đối với yêu cầu về chất lượng mặt hàng gạo xuất khẩu thì cần thực hiện quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn, quy chuẩn.</p>
8.	Kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh	57	<p>Bãi bỏ vì hoạt động tạm nhập, tái xuất hàng hóa, trong đó có thực phẩm đông lạnh là một loại hoạt động của quá trình kinh doanh chứ không phải là một ngành, nghề kinh doanh. Đối tượng kiểm soát là hàng hóa được tạm nhập, tái xuất mà không phải là bản thân doanh nghiệp. Biện pháp thực hiện là kiểm soát (qua thủ tục hải quan, vận chuyển chuyên khẩu) đối với từng lô hàng thực phẩm đông lạnh tạm nhập tái xuất chứ không phải là điều kiện kinh doanh đối với chủ thể thực hiện hoạt động tạm nhập tái xuất thực phẩm đông lạnh.</p>

9.	Nhượng quyền thương mại	59	<p>Nhượng quyền thương mại là phương thức kinh doanh và không phải ngành, nghề đầu tư kinh doanh.</p> <p>Trường hợp nhượng quyền kinh doanh để kinh doanh trong các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện thì chủ thể thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh phải đáp ứng điều kiện đầu tư kinh doanh trong ngành, nghề đó và không áp dụng đối với bên nhượng quyền.</p>
10.	Kinh doanh dịch vụ Logistic	60	<p>“Dịch vụ logistics là hoạt động thương mại, theo đó thương nhân tổ chức thực hiện một hoặc nhiều công việc bao gồm nhận hàng, vận chuyển, lưu kho, lưu bãi, làm thủ tục hải quan, các thủ tục giấy tờ khác, tư vấn khách hàng, đóng gói bao bì, ghi ký mã hiệu, giao hàng hoặc các dịch vụ khác có liên quan đến hàng hoá theo thoả thuận với khách hàng để hưởng thù lao”.</p> <p>Theo quy định trên, dịch vụ logistic bao gồm nhiều hoạt động, liên quan đến nhiều ngành, nghề khác nhau. Trường hợp cần quản lý theo điều kiện đầu tư kinh doanh thì các ngành, nghề đã có quy định cụ thể.</p> <p>Do đó, bãi bỏ Logistic khỏi danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện để tránh chồng chéo, trùng lặp về điều kiện đầu tư kinh doanh.</p>
11.	Kinh doanh dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải	89	<p>Theo Danh mục A ban hành kèm theo Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thì dịch vụ bảo đảm hàng hải gồm: hoa tiêu, thông tin duyên hải, bảo đảm an toàn hàng hải thuộc sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện theo phương thức đặt hàng; trường hợp không đáp ứng các điều kiện đặt hàng thì thực hiện theo</p>

			phương thức giao kế hoạch, không phải mục đích kinh doanh.
12.	Kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển	90	<p>Bãi bỏ vì:</p> <p>Theo quy định tại Điều 166 Luật Thương mại thì đạheo quy định tại Điều 166 Luật Thương mại thì đình doanh.-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vheo quy định tại Điều 166 Luật Thương mại thì đ30/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và</p> <p>Theo quy định nêu trên, đại lý tàu biển là quan hệ dân sự, thương mại giữa bên kinh doanh tàu biển và bên nhận đại lý. Viều kiện đối với ngành, nghề này không đáp ứng mục tiêu theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Luật Đầu tư. t và cung ứng sản phẩm, dịch vheo quy định tại Điều 166 Luật Thương mạiôm: hoa tiêu, thông tin duyên hải, bảo nếu có, sẽ chỉ ảnh hưởng trực tiếp tới quyền và lợi ích của chủ tàu hoặc người khai thác tàu biển (người đã ủy quyền cho đại lý tàu biển thực hiện các công việc thay mình).</p>
13.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về môi giới bất động sản, điều hành sàn giao dịch bất động sản.	108	Điều kiện đối với ngành, nghề này không đáp ứng mục tiêu theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Luật Đầu tư.
14.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý, vận hành nhà chung cư.	109	Điều kiện đối với ngành, nghề này không đáp ứng mục tiêu theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Luật Đầu tư.
15.	Kinh doanh dịch vụ tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng	110	Bãi bỏ vì quan hệ giữa tư vấn với người được tư vấn là quan hệ dân sự và chất lượng dịch vụ tư vấn quản lý do khách hàng và thị trường quyết định.

16.	Kinh doanh dịch vụ quản lý, vận hành nhà chung cư	119	Bãi bỏ vì đây là quan hệ dân sự và chất lượng dịch vụ quản lý, vận hành nhà chung cư do cư dân và thị trường quyết định.
17.	Kinh doanh dịch vụ quản lý, vận hành cơ sở hỏa táng	120	Ngành này không cần thiết phải quy định điều kiện kinh doanh và có thể quản lý thông qua tiêu chuẩn kỹ thuật khi vận hành cơ sở hỏa táng, các quy định về môi trường.
18.	Kinh doanh dịch vụ lập quy hoạch đô thị do tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện	122	Hoạt động đầu tư kinh doanh trong ngành, nghề này đã được quản lý theo điều kiện về hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài tại ngành, nghề số 115.
19.	Kinh doanh dịch vụ in, trừ in bao bì	128	Nội dung của ấn phẩm in đã được kiểm soát bởi pháp luật về xuất bản – hoạt động do nhà nước độc quyền thực hiện. Theo quy định của pháp luật hiện hành, cơ sở in không phải là chủ thể chịu trách nhiệm đối với các sản phẩm đặt in mà là các chủ thể thuê dịch vụ in, sở hữu sản phẩm cần in. Do đó, cần bãi bỏ ngành, nghề này để tránh trùng lặp về điều kiện đầu tư kinh doanh.
20.	Kinh doanh đóng mới, cải hoán tàu cá	154	Ngành này không cần thiết phải quy định điều kiện kinh doanh và có thể quản lý thông qua quy chuẩn kỹ thuật về tàu cá và hoạt động đăng kiểm tàu cá.
21.	Sản xuất mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe gắn máy	203	Không cần thiết quy định ngành này là ngành đầu tư kinh doanh có điều kiện; thay vào đó có thể quản lý thông qua các quy định về tiêu chuẩn chất lượng đối với mũ bảo hiểm.
22.	Kinh doanh dịch vụ sản xuất, phát hành và phổ biến phim	206	Ngành này không cần thiết phải quy định điều kiện kinh doanh vì từng sản phẩm phim đã được kiểm soát trong quá trình sản xuất, lưu hành bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Ngoài ra, các điều kiện kinh doanh đối với doanh nghiệp sản xuất phim cũng không hướng

			tối mục tiêu quy định tại Khoản 1 Điều 7 Luật Đầu tư
23.	Kinh doanh dịch vụ lữ hành	210	Điều kiện đối với ngành, nghề này không đáp ứng mục tiêu quy định tại Khoản 1 Điều 7 Luật Đầu tư và hoạt động này đã được quản lý theo các điều kiện về trật tự, an toàn xã hội. Do đó, không cần thiết phải quy định ngành, nghề này là ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.
24.	Kinh doanh dịch vụ biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang, tổ chức thi người đẹp, người mẫu	212	Không cần thiết phải quy định điều kiện đầu tư kinh doanh đối với ngành này vì cơ chế quản lý đối với hoạt động biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang, thi người đẹp và người mẫu là cấp phép cho từng hoạt động. Cơ quan nhà nước sẽ xem xét nội dung cũng như hình thức tổ chức để quyết định cho phép hay không. Như vậy, mỗi khi doanh nghiệp tổ chức hoạt động cụ thể nào sẽ phải thực hiện thủ tục cấp phép cho hoạt động đó.
25.	Kinh doanh dịch vụ lưu trú	214	Việc xây dựng cơ sở lưu trú đã có sự kiểm tra, kiểm soát thiết kế, chất lượng xây dựng theo pháp luật về xây dựng. Quá trình hoạt động, cơ sở lưu trú được cơ quan có thẩm quyền quản lý theo quy định về an ninh trật tự, môi trường...và được phân loại xếp hạng theo quy định pháp luật. Khách lưu trú được quản lý theo quy định của Luật Cư trú.  Ngoài ra, điều kiện đối với ngành, nghề này không đáp ứng mục tiêu quy định tại Khoản 1 Điều 7 Luật Đầu tư.
26.	Kinh doanh dịch vụ giới thiệu sản phẩm quảng cáo đến công chúng	215	Bãi bỏ ngành này vì: hoạt động quảng cáo quản lý nội dung từng sản phẩm quảng cáo. Dịch vụ giới thiệu sản phẩm quảng cáo đến công chúng chỉ đơn thuần là việc giới thiệu sản phẩm quảng cáo đã

			được chấp thuận đến công chúng.
--	--	--	---------------------------------

**II. SỬA ĐỔI CÁC NGÀNH, NGHỀ ĐẦU TƯ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN SAU:**

STT	Ngành, nghề đề xuất bổ sung	Mục	Lý do, căn cứ
27.	Cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng.	244	Sửa đổi ngành, nghề “Cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán” thành “Cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng”.

**II. BỔ SUNG NGÀNH, NGHỀ ĐẦU TƯ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN SAU:**

STT	Ngành, nghề đề xuất bổ sung	Mục	Lý do, căn cứ
28.	Tư vấn lập quy hoạch lâm nghiệp	244	Để thống nhất với Luật Lâm nghiệp
29.	Đăng kiểm tàu cá	245	Để thống nhất với Luật Thủy sản
30.	Kinh doanh sản phẩm báo chí	246	Để thống nhất với Luật báo chí